

chí trả. Sau này bà đến thì bà N đóng cửa trốn tránh không gặp bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N thanh toán cho bà số tiền 50.000.000đ và không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh và kết quả bà N hiện đang sinh sống tại địa chỉ K32/H12/16 đường H, phường F, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bà Phan Thị N để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà N đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng bà N vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

Giấy mượn tiền lập ngày 18/9/2017 thể hiện bà Phan Thị N đã mượn của bà Trần Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn trả là trong vòng 10 ngày, không thỏa thuận về lãi. Khi đến hạn trả bà N không trả số tiền nói trên cho bà M dù bà M nhiều lần yêu cầu. Tại phiên tòa bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà N thanh toán số tiền 50.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Xét yêu cầu của bà M thấy: Số tiền nợ 50.000.000đ kể từ ngày mượn là ngày 18/9/2017 cho đến nay vẫn chưa được thanh toán mặc dù bà M nhiều lần yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vẫn không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ bà N cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M buộc bà Phan Thị N phải trả cho bà M số tiền 50.000.000đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí

Án phí DS - ST bà Phan Thị N phải chịu theo qui định của pháp luật là: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ. Bà Trần Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Trần Thị M đã nộp là: 1.250.000đ theo biên lai thu số 7023 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 466 và 470 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, buộc bà Phan Thị N phải thanh toán cho bà Trần Thị M số tiền 50.000.000 đồng. Bà M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị M đối với bà Phan Thị N.

Xử:

1. Buộc bà Phan Thị N phải trả cho bà Trần Thị M số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí DS - ST bà Phan Thị N phải chịu: 2.500.000đ.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà Trần Thị M đã nộp là: 1.250.000đ theo biên lai thu số 7023 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Huệ